

HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH VIÊN ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG ĐÁP ỨNG BỘ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

SCIENTIFIC RESEARCH ACTIVITIES AT THE UNIVERSITY OF DANANG'S MEMBER UNIVERSITIES TO MEET THE HIGHER EDUCATION INSTITUTIONS' QUALITY ASSESSMENT STANDARDS

Huỳnh Ngọc Thành*, Huỳnh Thị Ý Thức

Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng¹

*Tác giả liên hệ: hnthanh@cea.udn.vn

(Nhận bài: 12/10/2021; Chấp nhận đăng: 20/4/2022)

Tóm tắt - Công tác kiểm định chất lượng (KĐCL) cơ sở giáo dục đại học (CSGDĐH) là một điều kiện bắt buộc và định kỳ được thể hiện tại Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục Đại học (ĐH) [1]. Các trường ĐH hiện nay đang đẩy mạnh công tác KĐCL theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về KĐCL CSGDĐH [2]. Đối với các CSGDĐH nếu không đạt tiêu chuẩn KĐCL thì không được tăng chỉ tiêu tuyển sinh. Hiện nay, công tác KĐCL ở các CSGDĐH đã giúp cho nhà trường đánh giá đúng thực trạng các vấn đề còn tồn tại để từ đó có kế hoạch cải tiến chất lượng trong đó có các tiêu chuẩn đối với hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH). Bài viết phân tích thực trạng hoạt động NCKH ở các trường ĐH thành viên của Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN) trong đối sánh với bộ tiêu chuẩn KĐCL trường ĐH và đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động này tại ĐHĐN.

Từ khóa - Nghiên cứu khoa học; trường đại học; bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng; quản lý; Đại học Đà Nẵng

1. Đặt vấn đề

Khoa học công nghệ (KHCN) là sứ mạng của trường đại học (ĐH) nhằm góp phần sản sinh tri thức khoa học và công nghệ. Nghiên cứu và ứng dụng, chuyển giao các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn là một trong những chức năng quan trọng nhất ở trường ĐH, đặc biệt trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục. Ở các trường ĐH, một mặt thực hiện hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ cho các ngành sản xuất, kinh doanh/dịch vụ, phục vụ đổi mới công tác quản lý và hoạt động đào tạo của chính các trường ĐH, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học (GDĐH) hiện nay, đồng thời đáp ứng được các yêu cầu của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH do Bộ GD&ĐT ban hành tại Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về KĐCL CSGDĐH.

KĐCL CSGDĐH là một điều kiện bắt buộc và định kỳ theo Luật số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục đại học, quy định công tác KĐCL giáo dục phải đảm bảo các nguyên tắc: Độc lập, khách quan, đúng pháp luật, trung thực, công khai, minh bạch và bình đẳng. Cũng theo yêu cầu tại thông tư số

Abstract - Accreditation of higher education institutions is a mandatory and periodic condition which is reflected in the law No. 34/2018/QH14 dated November 19th, 2018, on amending and supplementing a number of articles of the Law on higher education. Universities are promoting quality accreditation according to the Circular No. 12/2017/TT-BGDĐT dated May 19th, 2017 issued by the Minister of Education and Training, on regulations of accreditation of higher education institutions. If higher education institutions do not meet the quality accreditation standards, they are not allowed increase the enrollment quota. Currently, the quality accreditation work in higher education institutions has helped the universities to properly assess the current status of outstanding problems so that the schools can have a plan to improve the quality, including standards for scientific research. The article analyzes the current status of scientific research activities at the UD's member universities in comparison with the set of university quality accreditation standards and proposes measures to manage this activity at the UD.

Key words - Scientific research; university; quality assessment standards; management; The University of Danang (UD)

12/2017/TT-BGDĐT, việc KĐCL giáo dục phải được thực hiện theo chu kỳ 5 năm/lần. Trong thời gian qua, công tác KĐCL CSGDĐH gặp không ít khó khăn do nguồn lực con người và tài chính để triển khai còn hạn chế. Mặt khác, nhận thức của một bộ phận cán bộ, giảng viên ở các cơ sở giáo dục trong việc tiếp cận, thực hiện nhiệm vụ KĐCL giáo dục còn chưa đồng đều. Vẫn còn một số đơn vị, cơ sở đào tạo chưa chủ động thực hiện công tác bảo đảm và KĐCL giáo dục.

Tính đến ngày 31/8/2021, theo kết quả đánh giá đối với 164 trường đại học Việt Nam đạt chất lượng theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH đã thể hiện hoạt động NCKH của đa số các trường ĐH chưa đạt chất lượng các tiêu chí thuộc tiêu chuẩn như: Quản lý NCKH; Hợp tác và đối tác NCKH; Kết quả NCKH. Điều này đòi hỏi các trường ĐH trong công tác quản lý cần chú trọng hơn đến công tác triển khai hoạt động NCKH đáp ứng yêu cầu KĐCL cơ sở giáo dục hiện nay.

2. Tầm quan trọng của hoạt động NCKH ở trường ĐH

Các CSGDĐH đã xác định sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH và chuyển giao công nghệ, sản phẩm KHCN có giá

¹ The University of Danang - Center for Education Accreditation (Huỳnh Ngọc Thành, Huỳnh Thị Ý Thức)

trị phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Cơ sở GDĐH là cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, thực hiện chức năng đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, hoạt động khoa học và công nghệ và phục vụ cộng đồng. Chức năng phục vụ cộng đồng của trường ĐH đã được khẳng định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục ĐH và được thể hiện tại một số tiêu chuẩn trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT.

Trong nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và khu vực, các cơ sở GDĐH cần gắn kết phát triển KHCN với doanh nghiệp và địa phương. Đồng thời đưa KHCN trở thành động lực nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế thị trường hiện đại trong bối cảnh toàn cầu hóa khu vực hóa gia tăng, trong xu thế cách mạng KHCN phát triển như vũ bão, trong ứng phó với những nguy cơ và thách thức mới [3].

Hoạt động NCKH trước hết giúp giảng viên phát huy khả năng phân tích, đánh giá, liên tưởng, kết hợp với những điều mới để giải quyết những vấn đề đang được xã hội quan tâm. Mặt khác, hoạt động NCKH ở các trường ĐH có những đóng góp quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của xã hội, góp phần nâng cao tiềm lực, phát triển mạng lưới các tổ chức, doanh nghiệp tham gia hoạt động NCKH. Nhận thức rõ tầm quan trọng của hoạt động NCKH ở trường ĐH, trong những năm gần đây, lãnh đạo các trường ĐH xác định đây là một trong những hoạt động quan trọng để nâng cao vị thế, học hiệu của Nhà trường, đồng thời đáp ứng được yêu cầu công tác KĐCL CSGDĐH.

Thứ hai, trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư thì trí tuệ và ý tưởng của con người có tính cạnh tranh cao nhất. Vì vậy, các trường ĐH cần khơi dậy tiềm năng sáng tạo của mọi người thông qua hoạt động NCKH, giúp cho người học có phương pháp tư duy tốt để phát triển trí tuệ. Do đó, NCKH là hoạt động không thể thiếu trong quá trình đào tạo ở trường ĐH. Có như vậy, nguồn nhân lực nước ta mới có thể tham gia “phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo” như đã nêu trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII.

Thứ ba, trong chiến lược phát triển kinh tế đất nước, Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm đến phát triển KHCN ở trường ĐH, phát triển KHCN là quốc sách hàng đầu trong chiến lược phát triển đất nước. Vai trò quan trọng của KHCN và GD&ĐT luôn được xác định trong các văn kiện của Đảng, trong đó “Phát triển KHCN cùng với GDĐT là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước nhanh và bền vững. Khoa học và công nghệ phải đóng vai trò chủ đạo để tạo bước phát triển đột phá về lực lượng sản xuất, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Đóng góp vào sự phát triển KHCN của đất nước không thể không đề cập đến vai trò các trường ĐH.

3. Yêu cầu về hoạt động NCKH trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường CSGDĐH

AUN (ASEAN University Network) là tổ chức bảo đảm chất lượng của mạng lưới các trường đại học ASEAN.

Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD theo Thông tư 04/2016 gồm có 10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí. Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT dựa trên bộ tiêu chuẩn AUN gồm 25 tiêu chuẩn và 111 tiêu chí. Trong đó, có các tiêu chuẩn liên quan đến hoạt động NCKH như: Quản lý NCKH (tiêu chuẩn 18), Hợp tác và đối tác NCKH (tiêu chuẩn 20), Kết quả NCKH (tiêu chuẩn 23).

Ở các trường ĐH hiện nay đang chủ yếu tập trung vào hoạt động điều chỉnh, sửa lỗi xảy ra trong quá trình quản lý và thực thi công việc, chưa có cơ chế, quy trình phòng ngừa lỗi trong quá trình quản lý cũng như thực hiện công việc của nhà trường [4]. Mô hình PDCA (Plan-Do-Check-Act) là mô hình quản lý chất lượng, việc tiếp cận mô hình PDCA trong quản lý hoạt động NCKH ở các trường ĐH giúp nhà trường khắc phục những hạn chế hoạt động NCKH, đồng thời đưa ra những quyết định liên quan đến hoạt động NCKH để giải quyết hiệu quả một số vấn đề tồn tại trong quản lý hoạt động này. Thông qua vòng lặp liên tục để tìm ra vấn đề, giải quyết vấn đề, liên tục cập nhật, điều chỉnh để quá trình quản lý hoạt động NCKH được cải tiến liên tục nhằm đạt được sự quản lý tối ưu hơn, đạt được mục tiêu hơn theo mô hình thống nhất. Áp dụng mô hình PDCA trong quản lý hoạt động NCKH ở trường ĐH được thực hiện theo các bước như sau:

- Lập kế hoạch (P);
- Triển khai (D);
- Kiểm tra (C);
- Cải tiến (A).

Theo đó, quản lý hoạt động NCKH là một phần nội dung của quản lý KHCN ở trường ĐH, với đối tượng là hoạt động NCKH và những hoạt động triển khai công nghệ, thường bao gồm những hoạt động quản lý như kế hoạch NCKH, nghiên cứu đề tài, triển khai đề tài NCKH, tổ chức đánh giá kết quả thực hiện đề tài NCKH. Tất cả các khâu này phải thực hiện theo quy định chung về quản lý hoạt động NCKH được nhà trường ban hành kèm theo các biểu mẫu cụ thể cho từng khâu.

4. Quản lý hoạt động NCKH ở trường ĐH đáp ứng yêu cầu bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH

Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD được xây dựng dựa trên mô hình PDCA trong đó điều rất quan trọng là cải tiến. Điều này góp phần đặt ra yêu cầu đối với các trường đại học cần phải tập trung cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động NCKH.

4.1. Lập kế hoạch P (Plan)

Xây dựng bộ phận quản lý việc thực hiện giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu; chính sách, cơ chế chỉ đạo thực hiện giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu; quy định/hướng dẫn công tác quản lý, quy trình xây dựng và đề xuất các hoạt động nghiên cứu, quy định về khối lượng NCKH đối với cán bộ, giảng viên.

Xây dựng kế hoạch, dự toán phân bổ kinh phí cho hoạt động NCKH hằng năm theo quy định.

Có các tiêu chí đánh giá số lượng, chất lượng NCKH; có bộ phận theo dõi, giám sát, đánh giá về chất lượng các NCKH.

4.2. Thực hiện D (Do)

Triển khai phát triển các nguồn thu từ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ, chuyển giao tri thức, thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu.

Thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu tiềm năng; đầu tư cho nghiên cứu trọng điểm, những phát kiến khoa học; có chính sách thu hút cán bộ, giảng viên, người học tham gia vào các hoạt động nghiên cứu.

Triển khai các hoạt động hợp tác NCKH, chuyển giao công nghệ đối với các doanh nghiệp, tổ chức xã hội trong và ngoài nước có hoạt động NCKH phù hợp với các cơ sở giáo dục ĐH.

Triển khai hoạt động KHCN theo kế hoạch đã đề ra (đã cấp kinh phí, đã tổ chức các hoạt động tương ứng trong kế hoạch,...).

4.3. Kiểm tra C (Check)

Nhà trường xây dựng chỉ số KPIs cụ thể về số lượng và về chất lượng đối với sản phẩm NCKH.

Sử dụng các tiêu chí đánh giá chất lượng đối với sản phẩm NCKH, số lượng nghiên cứu để đánh giá mức độ đạt được các chỉ số KPIs đã được xác định; Đánh giá tác động của NCKH của CSGD và mức độ đóng góp cho xã hội.

Định kỳ thực hiện rà soát, đánh giá việc thực hiện chỉ số KPIs để từ đó làm cơ sở đề xuất, điều chỉnh các kế hoạch KHCN cho từng giai đoạn cụ thể.

4.4. Cải tiến A (Act)

Công tác quản lý hoạt động NCKH thường xuyên được lấy ý kiến khảo sát, phản hồi của các bên liên quan.

Công tác quản lý hoạt động NCKH liên tục được cải tiến và được đánh giá tốt.

5. Thực trạng quản lý hoạt động NCKH ở các trường ĐH thành viên ĐHĐN đáp ứng yêu cầu bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD các trường ĐH

Nhằm đánh giá đúng thực trạng quản lý hoạt động NCKH ở các trường ĐH thành viên ĐHĐN đáp ứng yêu cầu bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH, tác giả tiến hành khảo sát bằng phiếu hỏi đối với 40 cán bộ quản lý (CBQL), 83 giáo viên (GV) của 6 trường ĐH thành viên ĐHĐN bao gồm: Trường ĐH Bách Khoa - ĐHĐN, Trường ĐH Kinh tế - ĐHĐN, Trường ĐH Sư phạm - ĐHĐN, Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐHĐN, Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật - ĐHĐN, Trường ĐH Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt-Hàn - ĐHĐN.

5.1. Thực trạng nhận thức của CBQL, GV về sự cần thiết của hoạt động NCKH ở trường ĐH

Kết quả khảo sát mức độ nhận thức về sự cần thiết của hoạt động NCKH ở trường ĐH được thể hiện ở Bảng 1.

Kết quả ở Bảng 1 cho thấy, hầu hết CBQL và GV đều có nhận thức tích cực về sự cần thiết của hoạt động NCKH ở trường ĐH. Có 92,5% CBQL cho rằng rất cần thiết và 7,5% cho là cần thiết. Đối với GV 55,5% cho rằng rất cần thiết và 35% cho là cần thiết đối với hoạt động này. Qua kết quả khảo sát ở trên cho thấy, CBQL và GV nhận thức đúng ý nghĩa và tầm quan trọng về sự cần thiết của hoạt động NCKH ở trường ĐH, đồng thời tham gia hoạt động

NCKH giúp nhà trường nâng cao vị thế xếp hạng trên các bảng xếp hạng của khu vực và quốc tế. Tuy nhiên, vẫn còn trường hợp một số GV chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của hoạt động NCKH ở trường ĐH, trong đó còn 9,5% GV đánh giá tương đối cần thiết cho hoạt động này. Vì vậy, trong thời gian đến Ban Giám hiệu các trường ĐH thành viên ĐHĐN cần có kế hoạch tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức của CBQL và GV về tầm quan trọng của hoạt động NCKH ở trường ĐH.

Bảng 1. Thực trạng nhận thức của CBQL, GV về sự cần thiết của hoạt động NCKH ở trường ĐH

TT	Nội dung đánh giá	Đối tượng khảo sát	Mức độ đánh giá				
			Rất cần thiết	Cần thiết	Tương đối cần thiết	Không cần thiết	Hoàn toàn cần thiết
1	Sự cần thiết của hoạt động NCKH ở trường ĐH	CBQL (40)	37 (92,5%)	3 (7,5%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
		GV (83)	46 (55,5%)	29 (35%)	8 (9,5%)	0 (0%)	0 (0%)

5.2. Thực trạng nhận thức của CBQL, GV về sự cần thiết của hoạt động KĐCL giáo dục trường ĐH

Kết quả mức độ nhận thức về sự cần thiết của hoạt động KĐCL giáo dục trường ĐH được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Thực trạng nhận thức của CBQL, GV về sự cần thiết của hoạt động KĐCL giáo dục trường ĐH

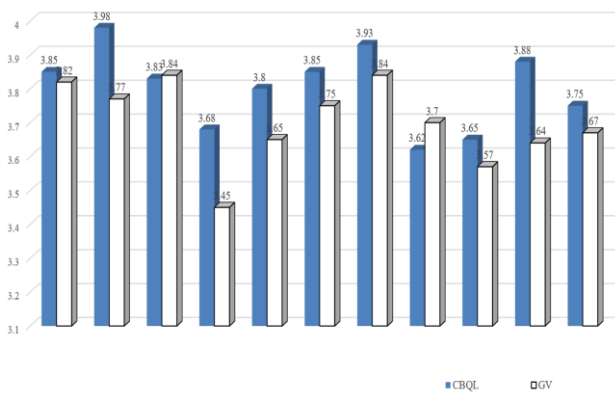
TT	Nội dung đánh giá	Đối tượng khảo sát	Mức độ đánh giá				
			Rất cần thiết	Cần thiết	Tương đối cần thiết	Không cần thiết	Hoàn toàn cần thiết
1	Sự cần thiết của hoạt động KĐCL giáo dục trường ĐH	CBQL (40)	34 (85%)	5 (12,5%)	1 (2,5%)	0 (0%)	0 (0%)
		GV (83)	40 (48,2%)	36 (43,4%)	7 (8,4%)	0 (0%)	0 (0%)

Kết quả ở Bảng 2 cho thấy, đa số CBQL và GV đều có nhận thức tích cực về sự cần thiết của hoạt động KĐCL giáo dục trường ĐH. Có 85% CBQL cho rằng rất cần thiết và 12,5% cho rằng là cần thiết. Đối với GV 48,2% cho rằng rất cần thiết và 43,4% cho là cần thiết đối với hoạt động này.

Qua kết quả khảo sát ở trên cho thấy, CBQL và GV nhận thức đúng ý nghĩa và tầm quan trọng về sự cần thiết của hoạt động KĐCL giáo dục trường ĐH. Tuy nhiên, vẫn còn trường hợp một số CBQL và GV chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của hoạt động KĐCL giáo dục trường ĐH, trong đó còn 2,5% CBQL và 8,4% GV đánh giá tương đối cần thiết cho hoạt động này. Vì vậy, trong thời gian đến Ban Giám hiệu các trường ĐH thành viên ĐHĐN cần có kế hoạch tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức của CBQL và GV về tầm quan trọng của hoạt động KĐCL giáo dục trường ĐH.

5.3. Thực trạng triển khai để đáp ứng yêu cầu về hoạt động NCKH theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH

Kết quả công tác triển khai đánh giá để đáp ứng yêu cầu về hoạt động NCKH theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH được thể hiện ở Hình 1.



Hình 1. Thực trạng triển khai để đáp ứng yêu cầu về hoạt động NCKH theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH

Qua kết quả trưng cầu ý kiến ở trên cho thấy, CBQL và GV đều đánh giá tốt khâu P (lập kế hoạch) công tác triển khai các nội dung để đáp ứng yêu cầu về hoạt động NCKH theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD ĐH. Tuy nhiên, vẫn còn trường hợp một số CBQL và GV đánh giá chưa tốt ở một số nội dung như: Đảm bảo nguồn lực triển khai kế hoạch chiến lược, kế hoạch trung hạn, kế hoạch năm học hoạt động NCKH (điểm TBC là 3,68 đối với CBQL và 3,45 đối với GV); Khâu D (thực hiện) Triển khai đồng bộ kế hoạch chiến lược, kế hoạch trung hạn, kế hoạch năm học hoạt động NCKH (điểm TBC 3,65 đối với GV) chỉ được đánh giá ở mức độ khá. Khâu C (kiểm tra) công tác thực hiện triển khai đối sánh thực trạng hoạt động NCKH của nhà trường so với Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD ĐH (điểm TBC là 3,62 đối với CBQL và 3,70 đối với GV); Khâu A (cải tiến) công tác triển khai cải tiến hoạt động NCKH của nhà trường đáp ứng Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH (điểm TBC là 3,75 đối với CBQL và 3,67 đối với GV); nội dung Rà soát các quy trình quản lý hoạt động NCKH của nhà trường cũng cần được quan tâm khi GV đánh giá điểm TBC ở mức khá 3,64.

6. Biện pháp quản lý hoạt động NCKH ở trường ĐH đáp ứng Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH

6.1. Xây dựng kế hoạch chiến lược hoạt động NCKH của nhà trường phù hợp sứ mạng nghiên cứu, đáp ứng Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH

Việc xây dựng kế hoạch chiến lược hoạt động NCKH ở trường ĐH phù hợp sứ mạng nghiên cứu, đồng thời đáp ứng Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH là một nội dung cụ thể, đây chính là khâu P của mô hình PDCA. Việc thực hiện tốt khâu lập kế hoạch chiến lược tạo cơ sở để nhà trường thực hiện tốt các bước tiếp theo. Biện pháp này nhằm đề xuất việc xây dựng kế hoạch chiến lược hoạt động NCKH ở trường ĐH dựa trên quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược NCKH phù hợp sứ mạng nghiên cứu, đáp ứng Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH phải đạt được mục tiêu nghiên cứu ở đơn vị. Dựa trên cơ sở kế hoạch chiến lược được xây dựng, nhà trường triển khai xây dựng kế hoạch trung hạn, kế hoạch hàng năm, kế hoạch học kỳ để làm cơ sở triển khai kế hoạch hoạt động NCKH của nhà trường.

Để chuẩn bị cho việc lập kế hoạch chiến lược thì trước tiên nhà trường cần phải đánh giá tính sẵn sàng của tổ chức. Quá trình này đòi hỏi phải xác định được một số vấn đề liên

quan, đặc biệt là phải xét xem lãnh đạo của tổ chức có thực sự cam kết cho nỗ lực lập kế hoạch chiến lược hay không. Việc lập kế hoạch chiến lược có phải là một sự lựa chọn khả thi hay không. Đây là bước đầu tiên nhưng đồng thời cũng là bước quan trọng để xây dựng kế hoạch chiến lược hoạt động NCKH ở trường ĐH. Cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau để chuẩn bị cho quá trình này:

Bước 1. Xác định sứ mạng, tầm nhìn, các giá trị cơ bản của nhà trường;

Bước 2. Phân tích nhu cầu hoạt động NCKH của nhà trường;

Bước 3. Phân tích môi trường và xác định các vấn đề chiến lược;

Bước 4. Phân tích mục tiêu chiến lược;

Bước 5. Xác định chính sách chất lượng;

Bước 6. Xác định các giải pháp chiến lược;

Bước 7. Xây dựng kế hoạch hành động.

Cải tiến chất lượng là một trong những khâu quan trọng nhất của quá trình xây dựng lập kế hoạch chiến lược hoạt động NCKH ở trường ĐH. Một kế hoạch chiến lược được lập ra đảm bảo rằng kế hoạch triển khai thực hiện được kết nối với các cấu trúc và các quá trình hành chính của nhà trường. Kết nối các phần của kế hoạch vào công việc hàng ngày làm cho mọi người chịu trách nhiệm với các kết quả đầu ra của quá trình lập kế hoạch. Xem xét lại kế hoạch thực hiện ít nhất từng quý để xác định sự tiến bộ. Hàng năm tiến hành kiểm tra đánh giá khâu triển khai thực hiện; Khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan; Đối sánh với các cơ sở GDĐH khác để có các số liệu, minh chứng cụ thể giúp cho việc cải tiến chất lượng khâu lập kế hoạch chiến lược hoạt động NCKH ở trường ĐH được đạt được sứ mạng và mục tiêu.

6.2. Áp dụng mô hình PDCA trong quản lý hoạt động NCKH của nhà trường

Quản lý hoạt động NCKH ở trường ĐH tập trung vào những nội dung cơ bản sau:

1. Quản lý việc xây dựng kế hoạch KHCN của nhà trường, kế hoạch trung hạn (5 năm) hoạt động KHCN và kế hoạch hàng năm;

2. Quản lý quá trình xây dựng hệ thống đề tài NCKH;

3. Quản lý quá trình xét duyệt hệ thống đề tài NCKH;

4. Quản lý quá trình thực hiện đề tài NCKH;

5. Quản lý sản phẩm và ứng dụng kết quả NCKH.

Như vậy, quản lý hoạt động NCKH ở trường ĐH theo mô hình PDCA là việc vận dụng các bước theo thứ tự vào quản lý hoạt động NCKH ở trường ĐH. Trong đó, nhà quản lý cần thiết lập nội dung cụ thể của từng bước trong mô hình PDCA với các biểu mẫu được chuẩn hóa và vận hành trong thực tiễn quản lý hoạt động NCKH của nhà trường, để hướng đến ĐBCL NCKH, tầm nhìn hướng đến KĐCL NCKH.

Áp dụng mô hình PDCA trong quản lý hoạt động NCKH ở trường ĐH được thực hiện theo các bước như sau:

- Lập kế hoạch (P);

- Triển khai (D);

- Kiểm tra (C);

- Cải tiến (A).

6.2.1. Lập kế hoạch (P)

Bối cảnh đặt ra cho các trường ĐH hiện nay cần phải nhanh chóng xây dựng các trường ĐH thành các trung tâm NCKH và chuyển giao công nghệ. Các trường ĐH cần thể hiện vai trò tiên phong của mình trong việc thực hiện sứ mệnh NCKH – công nghệ, là cái nôi của môi trường sáng tạo, tạo ra nhiều sản phẩm ứng dụng nhằm đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp - xã hội. Các trường ĐH cần phải xác định rõ vai trò và thách thức đang đặt ra đối với hoạt động NCKH ở nhà trường trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra hết sức mạnh mẽ. Các trường đại học đã xác định tầm quan trọng của hoạt động NCKH ở trường ĐH và được thể hiện qua Sứ mạng; Tầm nhìn và giá trị cốt lõi, từ đó nhà trường xây dựng và ban hành các văn bản mang tính chiến lược về quản lý hoạt động NCKH.

Lập kế hoạch là chức năng cơ bản của quản lý, bao gồm việc xác định mục tiêu, chương trình hành động, thời gian và nguồn lực thực hiện kế hoạch đó. Việc lập kế hoạch, định hướng trong quản lý hoạt động NCKH ở trường ĐH tập trung vào một số nội dung sau:

- Xác định bối cảnh bên trong và bên ngoài trường đối với hoạt động NCKH, hiểu rõ nhu cầu mong đợi của các bên liên quan;
- Xác định phạm vi, mục tiêu và chính sách của nhà trường đối với hoạt động NCKH;
- Xác định các quá trình cần thiết nhà trường triển khai hoạt động NCKH;
- Xác định trình tự của các quá trình triển khai hoạt động NCKH;
- Xác định cá nhân hoặc người thay thế làm chủ quá trình và trách nhiệm triển khai hoạt động NCKH;
- Xác định nhu cầu đối với thông tin dạng văn bản để triển khai hoạt động NCKH;
- Xác định các giao diện, rủi ro và hoạt động trong từng quá trình triển khai hoạt động NCKH;
- Xác định các yêu cầu về theo dõi và đo lường triển khai hoạt động NCKH.

6.2.2. Triển khai (D)

Thực hiện triển khai kế hoạch quản lý hoạt động NCKH ở trường ĐH đã đề ra là xác định cơ cấu tổ chức, sắp xếp các nguồn lực để thực hiện đạt kết quả các mục tiêu ở khâu kế hoạch đã lập ra. Xác định các nguồn lực cần thiết để triển khai quản lý hoạt động NCKH. Nhà trường tiến hành triển khai các hoạt động NCKH nhằm tạo ra sản phẩm, đồng thời theo dõi, đo lường và kiểm soát các quá trình và thủ tục đã được xác định nhằm thực hiện đầy đủ các bước theo quy trình đã được công khai rộng rãi.

Thực hiện quản lý hoạt động NCKH ở trường ĐH có sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà trường và các tổ chức ngoài nhà trường (chuyên gia, nhà khoa học, doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động,...).

Sự cam kết của lãnh đạo nhà trường về việc áp dụng và vận hành mô hình PDCA.

Xây dựng, thực hiện và duy trì chính sách chất lượng.

Xác định, phân bổ vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của các nhân/ bộ phận liên quan tới quản lý hoạt động NCKH.

6.2.3. Kiểm tra (C)

Kiểm tra tiến độ là quá trình đánh giá các hoạt động nhằm đạt được tới mục tiêu mà nhà trường đã đặt ra. Nhà trường và các bên liên quan thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ, kết quả quản lý hoạt động NCKH. Đồng thời tiến hành đối sánh kết quả đầu ra với mục tiêu để chứng minh các yêu cầu đã được thỏa mãn.

Các trường ĐH tổ chức kiểm tra định kỳ hàng năm hoặc đột xuất việc thực hiện đề tài NCKH. Nội dung kiểm tra gồm tiến độ thực hiện, nội dung nghiên cứu, sản phẩm và việc sử dụng kinh phí của đề tài so với thuyết minh đề tài đã đăng ký. Kết quả kiểm tra là căn cứ để cơ quan chủ trì đề tài xem xét việc tiếp tục triển khai thực hiện, điều chỉnh bổ sung và thanh lý đề tài.

6.2.4. Cải tiến (A)

Căn cứ vào các khó khăn, vấn đề được nhận định từ hoạt động đánh giá, trường ĐH cần thiết lập các biện pháp ngăn ngừa và khắc phục sao cho phù hợp và đảm bảo có hiệu quả. Đồng thời, cập nhập các thông tin này vào kho dữ liệu để có căn cứ áp dụng vào các hoạt động NCKH trong tương lai. Việc cải tiến được tập trung ở một số nội dung sau:

Tiến hành sửa lỗi ở các khâu (nếu có).

Xác định biện pháp phòng tránh vấn đề phát sinh.

Lập lại các bước P - D - C - A cho các kế hoạch mới.

6.3. Đẩy mạnh đối sánh và khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động NCKH của nhà trường

Hàng năm nhà trường thường xuyên tổ chức: Đối sánh với các chỉ tiêu đã đề ra; Đối sánh với các trường ĐH khác; Đối sánh với bộ tiêu chuẩn nhằm xác định kế hoạch cải tiến.

Việc xây dựng các quy trình cụ thể cho từng công việc trong quản lý hoạt động NCKH ở trường ĐH phải đồng bộ, thông suốt với nhau. Bên cạnh đó, xác định tiêu chí đánh giá đối với nội dung từng bước của quy trình quản lý hoạt động NCKH nhằm tạo điều kiện cho cả người quản lý và người thực hiện các đề tài NCKH. Nhà trường cần áp dụng chu trình PDCA để xây dựng các quy trình cho tất cả các công việc, trong đó quy định rõ nội dung cần thực hiện, bộ phận/cá nhân chịu trách nhiệm, thời gian và trình tự thực hiện giúp cho cá nhân và nhóm biết rõ ràng nhiệm vụ của bản thân và phương thức thực hiện.

Khi xem xét các yếu tố tác động đến hoạt động NCKH ở trường ĐH, đa dạng hóa thu thập ý kiến khảo sát của các bên liên quan. Nhà trường cần đối sánh với các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục ĐH trong nước và quốc tế, đặc biệt chú trọng xem xét các bảng xếp hạng trường ĐH của quốc tế, trong đó chú trọng đến hoạt động KHCN nói chung và NCKH nói riêng để từ đó xác định cụ thể chất lượng của nhà trường ở tương lai tương quan với các trường ĐH trong nước, khu vực và thế giới. Từ đó khích lệ, động viên tất cả các thành viên nhà trường tự giác, tích cực tham gia, nâng cao chất lượng hoạt động NCKH.

Lập báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát các bên liên quan cần gửi đến các đơn vị trong toàn trường, đồng thời yêu cầu sử dụng kết quả trong báo cáo để triển kế hoạch cải tiến chất lượng.

6.4. Đảm bảo nguồn lực triển khai kế hoạch chiến lược, kế hoạch trung hạn, kế hoạch năm học hoạt động NCKH của nhà trường

Để chuẩn bị cho việc lập kế hoạch chiến lược thì trước tiên nhà trường cần phải đánh giá tính sẵn sàng của tổ chức. Quá trình này đòi hỏi phải xác định được một số vấn đề liên quan, đặc biệt là phải xét xem lãnh đạo của tổ chức có thực sự cam kết cho nỗ lực lập kế hoạch chiến lược hay không. Việc lập kế hoạch chiến lược có phải là một sự lựa chọn khả thi hay không. Đây là bước đầu tiên nhưng đồng thời cũng là bước quan trọng để xây dựng kế hoạch chiến lược hoạt động NCKH ở trường ĐH. Cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau để chuẩn bị cho quá trình này:

- a. Xem xét thực tế việc lập kế hoạch chiến lược hiện tại để tiếp lập bối cảnh tốt cho hoạt động lập kế hoạch chiến lược;
- b. Xác định lý do thúc đẩy việc lập kế hoạch chiến lược và đánh giá tính sẵn sàng của tổ chức;
- c. Hình thành Ban chỉ đạo với vai trò tạo hiệu lực cho tầm nhìn và sứ mạng, tạo hiệu lực cho các giải pháp thực hiện, giao tiếp chéo, theo dõi tiến trình của đội lập kế hoạch chiến lược;
- d. Đánh giá sự cam kết của những bên liên quan tham gia xây dựng kế hoạch chiến lược;
- e. Thành lập Ban lập kế hoạch chiến lược là nhóm quản lý toàn bộ quá trình lập kế hoạch chiến lược, phối hợp chặt chẽ với Ban Giám hiệu nhà trường để triển khai;
- f. Lựa chọn người đi tiên phong;
- g. Chuẩn bị kế hoạch công tác;
- h. Xác định các tiêu ban lập kế hoạch chiến lược cho các nhiệm vụ cơ bản;
- l. Xác định, thu thập và trình bày dữ liệu thích hợp về tổ chức và môi trường của nó;
- h. Lường trước và phá bỏ các rào cản việc lập kế hoạch chiến lược.

Thực hiện cải tiến khâu lập kế hoạch chiến lược để đạt được các mục tiêu chiến lược của CSGD; Thực hiện đối sánh, đánh giá việc xây dựng và thực hiện kế hoạch chiến lược từ đó đề xuất các giải pháp thực hiện nhằm đạt mục tiêu chiến lược và có biện pháp điều chỉnh phù hợp; Ban hành các văn bản bổ sung, điều chỉnh kế hoạch chiến lược và các KPIs, các chỉ tiêu phân đầu chính.

Nhà trường cần tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng thí nghiệm tập trung theo chủ đề cho từng giai đoạn. Xây dựng chính sách động viên khuyến khích thi đua, khen thưởng đối với lĩnh vực hoạt động NCKH.

6.5. Triển khai mô hình Vườn ươm công nghệ và hướng đến văn hóa chất lượng trong NCKH của nhà trường

Mục tiêu của Vườn ươm khởi nghiệp hoạt động NCKH là ươm tạo những ý tưởng mới, khả thi trở thành công nghệ có khả năng thương mại hóa và chuyển giao công nghệ; ươm tạo các nghiên cứu công nghệ mới vượt qua giai đoạn khó khăn lúc khởi nghiệp; lồng ghép các dự án NCKH công nghệ vừa và nhỏ đã hoạt động nhưng chưa đủ năng lực và nguồn lực; Bồi dưỡng, đào tạo tăng cường năng lực quản lý cho các tổ chức cá nhân trong và ngoài Vườn ươm. Tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình

thành và phát triển loại hình NCKH có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình mới.

Để hình thành và xây dựng vườn ươm khởi nghiệp NCKH trong trường ĐH đúng mục đích, đúng đối tượng, đáp ứng đúng nhu cầu của nhà trường, cộng đồng và xã hội về các NCKH giải quyết vấn đề thực tiễn và nghiên cứu, các trường ĐH cần triển khai các hoạt động bao gồm: Tăng cường bồi dưỡng năng lực cho các đối tượng trực tiếp tham gia hoạt động NCKH; Tăng cường đầu tư kinh phí cho hoạt động NCKH; Thiết lập môi trường liên kết hiệu quả giữa Trường ĐH - Chính phủ - Doanh nghiệp; Tăng cường phổ biến ứng dụng kết quả nghiên cứu thông qua việc xây dựng các Trung tâm sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.

CSGD thành lập đơn vị/ bộ phận/ nhân sự quản lý và hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu; Có quy định rõ về việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, về các sáng chế bản quyền và các kết quả nghiên cứu khác; Định giá các đối tượng sở hữu trí tuệ phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế, xây dựng chính sách hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa các đề tài nghiên cứu. Ban hành các quy định về việc khai thác tài sản trí tuệ (thử nghiệm, sản xuất thử, thương mại hóa và trích dẫn); Ban hành quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ phải được đăng ký bảo hộ theo đúng quy định của pháp luật.

CSGD phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ cho cán bộ khoa học, giảng viên các quy định về quyền sở hữu trí tuệ (như đăng ký bản quyền, quyền sở hữu công nghiệp, công nhận sản phẩm KHCN, khiếu nại hoặc khởi kiện về hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của cán bộ, giảng viên thuộc CSGD).

CSGD thực hiện việc xây dựng cơ sở dữ liệu; rà soát, phát hiện các hành vi vi phạm tài sản trí tuệ, triển khai rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ ít nhất 2 lần trong chu kỳ đánh giá, tổng kết, đánh giá công tác quản lý tài sản trí tuệ. Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng có hiệu quả.

Như vậy, muốn thành công trong quản lý hoạt động NCKH ở trường ĐH, nhà trường phải xây dựng được một nền văn hóa chất lượng được hình dung như là việc tạo dựng môi trường bền vững cho việc thực hiện những mục tiêu chất lượng của tổ chức.

6.6. Những đặc thù của Đại học vùng khi thực hiện mô hình PDCA

- Cần phân định rạch ròi nhiệm vụ quản lý NCKH của Đại học và của các trường thành viên để tránh chồng chéo chức năng, nhiệm vụ.

- Quản lý KHCN cấp Đại học vùng tập trung vào cơ chế, chính sách để khuyến khích, phát huy năng lực nghiên cứu của tất cả các trường thành viên. Vì vậy nên tập trung vào các hoạt động chung mang tính liên trường, liên ngành.

- Nhiệm vụ quản lý NCKH của các trường thành viên liên quan đến những vấn đề cụ thể, phân bổ, tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu chuyên ngành thuộc chuyên môn của trường.

- Thường xuyên tham khảo ý kiến phản ánh của các bên

liên quan để tối ưu hóa công tác quản lý NCKH cấp Đại học và cấp trường thành viên để nâng cao chất lượng hoạt động NCKH...

7. Kết luận

Hoạt động NCKH ở các trường ĐH là một trong hai nhiệm vụ trọng tâm. Trong bối cảnh nền giáo dục của đất nước đang đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT, hoạt động NCKH của trường ĐH phải tạo ra động lực phát triển, đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng hoạt động NCKH và các tiêu chí xếp hạng trường ĐH của các bảng xếp hạng quốc tế. Muốn vậy, các trường ĐH cần đổi mới quản lý hoạt động NCKH thông qua áp dụng các mô hình quản lý, trong đó mô hình PDCA là phù hợp với điều kiện và nền tảng quản lý hoạt động NCKH của các trường ĐH ở Việt Nam hiện nay.

Mô hình PDCA là một trong những mô hình quản lý tiên tiến được tiến hành liên tục qua các bước Lập kế hoạch – Thực hiện – Kiểm tra – Cải tiến và các bước của chu trình kế tiếp được thực hiện với chất lượng tốt hơn. Mô hình PDCA phù hợp với điều kiện và nền tảng quản lý nói chung và quản lý hoạt động NCKH của các trường ĐH ở Việt Nam hiện nay. Đối với các trường ĐH tuy có điều kiện khác nhau nhưng áp dụng mô hình PDCA sẽ đem lại chất

lượng và hiệu quả hoạt động NCKH của nhà trường với kết quả cải tiến liên tục và đạt được sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược đã đề ra.

Quản lý hoạt động NCKH ở các trường ĐH Việt Nam theo mô hình PDCA đa phần làm tốt nội dung lập kế hoạch, tổ chức, kiểm tra, tuy nhiên nội dung cải tiến còn nhiều hạn chế, bất cập và chưa được quan tâm thực hiện. Đây là nguyên nhân chính khiến cho kết quả hoạt động NCKH của các CSGD ĐH thành viên ĐHĐN chưa tương xứng với tiềm năng hiện có.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ - ĐHĐN trong đề tài có mã số B2020-DN01-29.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Quốc hội, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14, ngày 19/11/2018.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học, 19/5/2017.
- [3] Quốc hội, Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13, ngày 18/6/2013.
- [4] Nguyễn Quang Giao, *Quản lý chất lượng trong giáo dục đại học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2015.